

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – PHÚ THỌ

Với thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Phùng Thị Thu Hường.

Thư ký phiên họp: Bà Kiều Huyền Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ tham gia phiên họp:
Bà Bùi Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 273/2026/TLST-VDS ngày 17 tháng 8 năm 2026 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, con chung” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 58/2026/QĐ-VDS ngày 17 tháng 9 năm 2026, giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1986; Nơi thường trú: Tổ 1, phường P, tỉnh Phú Thọ; Nơi ở hiện tại: U, 78549 Spaichingen Baden-Württemberg, Cộng Hòa Liên Bang Đức.

2. Anh Đỗ Văn U, sinh năm 1979; Nơi thường trú: Tổ 1, phường P, phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ; Nơi đăng ký tạm trú và nơi ở hiện tại: Tổ 37A, tổ dân phố L, phường V, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của chị X, anh U nhận các văn bản tố tụng: Bà Đặng Hoàng P, sinh năm 1994; địa chỉ: Xã V, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các bản tự khai chị Nguyễn Thị X và anh Đỗ Văn U thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh U tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 17/3/2005 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Phú Thọ).

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2024, chị X sang Đức sinh sống làm việc, do điều kiện sinh sống, làm việc khác nhau và khoảng cách địa lý lớn nên vợ chồng ít quan tâm lẫn nhau, từ đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, định hướng công việc khác nhau. Mặc dù hai bên đã nhiều lần trao đổi, hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị X và anh U đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Hồng Q, sinh ngày 26/10/2005 và Đỗ Đại Gia B, sinh ngày 27/12/2012. Hai bên thống nhất thỏa thuận: Khi ly hôn, anh U là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B. Chị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng, mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), kể từ ngày ly hôn cho đến khi cháu B thành niên.

Hiện nay, cháu Q đã thành niên, có khả năng lao động tự túc được nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung đối với cháu Q.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Chị X và anh U tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh U chịu toàn bộ lệ phí.

Chị X và anh U yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết vắng mặt. Chị X ủy quyền cho bà Đặng Hoàng P nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, giao nộp các tài liệu chứng cứ, nộp và nhận tiền tạm ứng lệ phí liên quan đến việc dân sự giữa chị X và anh U.

Quá trình giải quyết vụ án, người yêu cầu đã cung cấp cho Tòa án 01 (Bản gốc) Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị X và anh U; 01 (Bản gốc) Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của chị X; 01 Bản tự khai của chị X. Tuy nhiên, do các văn bản trên đều không chứng thực chữ ký nên Tòa án đã trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết của chị X.

Tại Kết luận giám định số 5249/KL-KTHS ngày 10/9/2026 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ, kết luận: “Chữ ký, chữ viết dưới mục “HỌ VÀ TÊN VỢ”, “NGƯỜI LÀM ĐƠN”, “NGƯỜI TỰ KHAI” trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị X dưới mục “Vợ”, “Người làm đơn” trên các mẫu so sánh (ký hiệu M2, M2) là do cùng một người ký, viết ra”.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Từ khi thụ lý việc Hôn nhân và gia đình đến khi mở phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, các điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 464 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Đề xuất công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị X và anh Đỗ Văn U; về con chung: Công nhận thỏa thuận giữa chị X và anh U về việc anh U được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đỗ Đại Gia B; chị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 5.000.000đ, kể từ ngày ly hôn đến khi cháu B thành niên. Đối với cháu Đỗ Hồng Q đã thành niên nên không giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và vấn đề khác: Chị X và anh U tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh U tự nguyện chịu lệ phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nơi ở hiện nay của chị X tại U 13, 78549 Spaichingen Baden-Württemberg, Cộng Hòa Liên Bang Đức; còn anh X cư trú tại tổ 37A, tổ dân phố L, phường V, tỉnh Phú Thọ. Chị X và anh U đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ là Tòa án nơi một trong các bên thuận tình ly hôn cư trú có thẩm quyền giải quyết việc công nhận thuận tình ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 464 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu của chị X và anh U là việc hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ.

Chị X đang cư trú ở nước ngoài, đã có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong đó thể hiện ý chí tự nguyện thuận tình ly hôn và quan điểm xin vắng mặt trong quá trình giải quyết việc dân sự tại Tòa án. Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký chữ viết của chị X trong các văn bản trên và Kết luận giám định xác định đúng là chữ ký, chữ viết của chị X. Anh U đã ký trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, đến Tòa án trình bày bản tự khai thể hiện ý chí tự nguyện thuận tình ly hôn và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự và tiến hành phiên họp theo thủ tục chung là đúng quy định.

- Về việc ủy quyền nhận các văn bản tố tụng: Chị X và anh U đã ủy quyền cho bà Đặng Hoàng P nộp đơn, tài liệu chứng cứ, giao nhận tiền tạm ứng lệ phí và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án (tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đã được giám định chữ ký, chữ viết của chị X). Việc ủy quyền này không làm ảnh hưởng tới quyền nhân thân của chị X, anh U và được bà Đặng Hoàng P đồng ý bằng văn bản nên việc ủy quyền là hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Đỗ Văn U kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/3/2005 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Phú Thọ) nên quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh U là hợp pháp. Do điều kiện sinh sống, làm việc ở các nơi khác nhau, khoảng cách địa lý lớn, bất đồng quan điểm sống và định hướng công việc dẫn tới mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Nguyễn Thị X và anh Đỗ Văn U tự nguyện có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị nên cần công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Đỗ Văn U đều xác định có 02 con chung là cháu Đỗ Hồng Q, sinh ngày 26/10/2005 và Đỗ Đại Gia B, sinh ngày 27/12/2012. Chị X và anh U thống nhất thỏa thuận: Khi ly hôn, anh U là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Đại Gia B. Chị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu B, hằng tháng, mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu

đồng), kể từ tháng 9/2026 cho đến khi cháu B thành niên, có khả năng lao động tự túc được. Điều này phù hợp với nguyện vọng của con chung chưa thành niên.

Hiện nay, cháu Đỗ Hồng Q đã thành niên, có khả năng lao động tự túc được nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung đối với cháu Q.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị X và anh Đỗ Văn U thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị X và anh Đỗ Văn U thống nhất thỏa thuận anh Đỗ Văn U chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, các điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 464 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị X và anh Đỗ Văn U.

2. Về con chung: Chị X và anh U thống nhất thỏa thuận: Khi ly hôn, anh U là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đỗ Đại Gia B, sinh ngày 27/12/2012. Chị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng, mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), kể từ ngày 25/9/2026 đến khi cháu B thành niên, có khả năng lao động tự túc được.

Con chung là cháu Đỗ Hồng Q, sinh ngày 26/10/2005, hiện đã thành niên có khả năng lao động tự túc được nên chị X, anh U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Chị X và anh U tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Anh Đỗ Văn U tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Xác nhận bà Đặng Hoàng P đã nộp thay anh Đỗ Văn U 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí Tòa án theo Biên lai thu số 0001549 ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND P. P, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Phùng Thị Thu Hường